

Thông tin tuyển sinh Đại học chính quy năm 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị đào tạo:** Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)
- Mã đơn vị đào tạo trong tuyển sinh:** QHL
- Địa chỉ các trụ sở:** Trụ sở chính: Nhà E1, số 144, Đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://law.vnu.edu.vn>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0243.7549714
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh** (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): Trường Đại học Luật, ĐHQGHN không tổ chức thi.
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo** (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...):

<https://law.vnu.edu.vn>

<https://law.vnu.edu.vn/article-Bao-cao-thuong-nien-nam-2026-40031-3580.html>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NĂM 2026

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

1.1. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Mục 1.2;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.2. Ngưỡng đầu vào của chương trình đào tạo

Căn cứ Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), người học các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học phải đáp ứng các yêu cầu:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

- Tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm;
- Điểm môn Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu là 06 điểm trên thang điểm 10.
- Đồng thời, thí sinh phải đáp ứng ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật do Bộ GDĐT, ĐHQGHN và Trường Đại học Luật quy định.

1.3. Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 (xét tuyển)

Năm 2026, Trường Đại học Luật sử dụng các phương thức xét tuyển như sau:

Phương thức	Mã phương thức	Tên phương thức (xét tuyển)
Phương thức 1	100	- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL iBT) để xét tuyển
Phương thức 2	301	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT
Phương thức 4	401	Xét kết quả thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQGHN tổ chức
Phương thức 5	500	Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường dự bị đại học

2.1. Phương thức 1 (Mã 100): Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026; Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế để xét tuyển

2.1.1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Áp dụng cho các thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026. Nhà Trường sử dụng **10** tổ hợp xét tuyển và không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển. Cụ thể các tổ hợp xét tuyển như sau:

STT	Tổ hợp	Môn thi	Hệ số
1	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	Các môn thi tính hệ số 1
2	A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	Các môn thi tính hệ số 1
3	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý	Các môn thi tính hệ số 1
4	C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	Các môn thi tính hệ số 1

STT	Tổ hợp	Môn thi	Hệ số
5	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử,	Các môn thi tính hệ số 1
6	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	Các môn thi tính hệ số 1
7	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Các môn thi tính hệ số 1
8	D03	Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp	Các môn thi tính hệ số 1
9	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Các môn thi tính hệ số 1
10	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	Các môn thi tính hệ số 1

Đối với các thí sinh đã có bằng tốt nghiệp THPT và/ hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp nếu có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Luật năm 2026, phải dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 để có cơ sở xét tuyển, thí sinh lựa chọn môn thi phù hợp với các tổ hợp xét tuyển của Nhà trường.

2.1.2. Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế để xét tuyển

Đối với tổ hợp có môn tiếng Anh (D01), thí sinh có thể sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL iBT) quy đổi (theo [Phụ lục III](#)) thay cho môn Tiếng Anh kết hợp với điểm của 2 môn còn lại (Toán, Ngữ văn) trong tổ hợp để xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Có chứng chỉ tiếng Anh IELTS tối thiểu 5.5, TOEFL iBT tối thiểu 72.
- + Chứng chỉ ngoại ngữ phải đủ 4 kỹ năng. Không sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ thi online.
- + Các chứng chỉ ngoại ngữ phải còn thời hạn sử dụng tính đến thời điểm kết thúc đăng ký/nộp hồ sơ xét tuyển (chứng chỉ có giá trị 02 năm kể từ ngày thi).

2.2. Phương thức 2 (Mã 301): Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT

2.2.1. Xét tuyển thẳng

Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba một trong các môn thi: Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp trong kỳ thi chọn học sinh giỏi (HSG) quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia.

Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

2.2.2. Ưu tiên xét tuyển

Thí sinh trúng tuyển diện ưu tiên xét tuyển nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc tế hoặc giải nhất trong cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia (nhóm Khoa học xã hội và hành vi và có đề tài dự thi được Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Luật, ĐHQGHN đánh giá phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển) do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia; Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.
- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo.

2.3. Phương thức 4 (Mã 401): Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức

Xét tuyển thí sinh có kết quả thi ĐGNL học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức (không phân biệt tổ hợp xét tuyển). Quy đổi điểm, ngưỡng điểm xét tuyển thực hiện theo quy định của ĐHQGHN và của Bộ GDĐT.

Kết quả thi ĐGNL phải còn thời hạn sử dụng tính đến thời điểm kết thúc đăng ký/nộp hồ sơ xét tuyển (có giá trị 02 năm kể từ ngày thi).

2.4. Phương thức 5 (Mã 500): Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học

Xét tuyển theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BGD&ĐT của Bộ GDĐT ban hành ngày 31/12/2021 và theo quy định của Trường Đại học Luật. Điều kiện trúng tuyển cụ thể đối với thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học như sau:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Đã hoàn thành chương trình dự bị đại học;
- Kết quả học tập bậc THPT đạt từ loại Khá; Điểm trung bình chung môn Tiếng Anh ở bậc THPT đạt từ 7.0 hoặc điểm thi tốt nghiệp môn Tiếng Anh đạt từ 5.0 (thang điểm 10);
- Đáp ứng được yêu cầu về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với ngành đăng ký dự tuyển (*năm 2025 ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành của Trường Đại học Luật là: 20 điểm, Trường Đại học Luật sẽ xét điểm theo tổ hợp cao nhất của thí sinh*);
- Ngoài ra, căn cứ Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 của Bộ GDĐT, thí sinh đồng thời phải đáp ứng yêu cầu sau: Điểm môn Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu là 06 điểm trên thang điểm 10.

3. Quy tắc quy đổi điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Quy đổi điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN, Trường sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT và ĐHQGHN.

4. Ngành/ Chương trình và chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy:

- Năm 2026, Trường Đại học Luật tuyển sinh 03 ngành/ 04 chương trình đào tạo.
- Tổng chỉ tiêu cho 03 ngành/ 04 chương trình đào tạo: **990**

Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ chương trình đào tạo như sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1		Luật					
1.1		CTĐT Luật (chuẩn)	7380101	Luật	520		Chỉ tiêu bao gồm Luật CLC
	100					- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026; - Tổ hợp XT: A01, A07, C01, C02, C03, C04, D01, D03, D14, D15.	
	100					- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế để xét tuyển; - Tổ hợp XT: A01, D01, D14, D15.	
	301					Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT.	
	401					Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức.	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	500					Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học.	
1.2		CTĐT Luật chất lượng cao (theo tiêu chí của ĐHQGHN) (*)	7380101CLC	Luật CLC		Xét tuyển sau khi thí sinh trúng tuyển vào ngành Luật (chuẩn) nếu có nguyện vọng vào CTĐT CLC; Thí sinh được tuyển chọn theo các tiêu chí riêng.	<i>Điều kiện, tiêu chí xét tuyển vào CLC theo quy định cụ thể của Trường</i>
2		Luật Kinh tế (CTĐT Luật Kinh doanh) (**)	7380107		320		
	100					- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026; - Tổ hợp XT: A01, A07, C01, C02, C03, C04, D01, D03, D14, D15.	
	100					- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế để xét tuyển; - Tổ hợp XT: A01, D01, D14, D15.	
	301					Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT.	
	401					Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức.	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	500					Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học.	
3		Luật Thương mại quốc tế	7380109		150		
	100					- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026; - Tổ hợp XT: A01, A07, C01, C02, C03, C04, D01, D03, D14, D15.	
	100					- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế để xét tuyển; - Tổ hợp XT: A01, D01, D14, D15.	
	301					Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT.	
	401					Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức.	
	500					Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học.	

(*) CTĐT Luật chất lượng cao: phương thức tuyển sinh thay đổi so với năm 2025

(**) CTĐT Luật Kinh doanh thuộc ngành Luật Kinh tế thuộc Danh sách thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường Đại học Luật

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Nhà trường xét tuyển theo mã ngành, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của từng ngành,

không phân biệt thứ tự nguyện vọng giữa các thí sinh. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn.

5.2. Điểm cộng theo quy định của ĐHQGHN và của Trường Đại học Luật

5.2.1. Điểm thưởng

Thí sinh đủ điều kiện xét tuyển thẳng theo quy định tại Mục 2.2. nhưng không dùng quyền tuyển thẳng được cộng **điểm thưởng**, cụ thể như dưới đây:

- Giải nhất HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **3.0** điểm;
- Giải nhì HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **2.5** điểm;
- Giải ba HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **2.0** điểm.

Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

5.2.2. Điểm xét thưởng

Thí sinh được cộng **điểm xét thưởng** trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đạt giải khuyến khích một trong các môn thi: Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được cộng **5** điểm;

b) Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo diện ưu tiên xét tuyển của ĐHQGHN theo quy định tại Mục 2.2.2. nhưng không đăng ký ưu tiên xét tuyển; thí sinh đạt giải nhì, ba trong kỳ thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia (nhóm Khoa học xã hội và hành vi và có đề tài dự thi được Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Luật, ĐHQGHN đánh giá phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển) do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo được cộng điểm xét thưởng như sau:

- Giải nhất cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được cộng **1.5** điểm;
- Giải nhì cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được cộng **1.0** điểm;
- Giải ba cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được

cộng **0.5** điểm.

c) Học sinh THPT trên toàn quốc có kết quả học tập cả 3 năm cấp THPT được đánh giá mức tốt (*học lực xếp loại giỏi trở lên*) và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

* Môn thi đạt giải bao gồm: Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp.

* Nội dung đề tài dự thi đạt giải thuộc nhóm Khoa học xã hội và hành vi.

* Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

Phương án cộng điểm đối với các thí sinh thuộc đối tượng này như sau:

- Giải nhất (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **1.5** điểm;
- Giải nhì (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **1.0** điểm;
- Giải ba (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **0.5** điểm.

Lưu ý: Với cùng môn thi/lĩnh vực đạt giải, thí sinh có nhiều giải trong số các loại giải nêu ở Mục 5.2.1 và 5.2.2 chỉ được cộng điểm (điểm thưởng hoặc điểm xét thưởng) một lần với mức cao nhất.

5.2.3. Điểm khuyến khích

a) Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh, tiếng Pháp quốc tế đạt trình độ tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam được cộng **điểm khuyến khích** như sau:

- Bậc 6: được cộng tối đa **1.5** điểm;
- Bậc 5: được cộng tối đa **1.25** điểm;
- Bậc 4: được cộng tối đa **1.0** điểm.

Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh quốc tế phải đủ 4 kỹ năng, trừ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế TCF (Tiếng

Pháp) có 3 kĩ năng. Không sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ thi online.

b) Thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ thi SAT (tối thiểu từ 1300/1600 điểm) được cộng **điểm khuyến khích** như sau:

- + Đạt từ 1500 đến 1600: được cộng **1.5** điểm;
- + Đạt từ 1400 đến dưới 1500: được cộng **1.25** điểm;
- + Đạt từ 1300 đến dưới 1400: được cộng **1.0** điểm.

Lưu ý:

- Trường hợp thí sinh có nhiều thành tích như quy định tại Mục 5.2.3 thì chỉ được cộng điểm khuyến khích một lần với mức điểm cao nhất.
- Không cộng điểm khuyến khích ở Mục a) 5.2.3. đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế quy đổi để xét tuyển theo phương thức 1 (Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế để xét tuyển).
- Trường hợp thí sinh có giải môn ngoại ngữ (loại giải quy định tại 5.2.1 và 5.2.2), đồng thời có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương ứng với môn ngoại ngữ đạt giải thì chỉ được cộng điểm (điểm thưởng hoặc điểm xét thưởng hoặc điểm khuyến khích) một lần với mức cao nhất.
- Tổng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích không vượt quá 3.0 điểm trên thang điểm 30.
- Các chứng chỉ ngoại ngữ, kết quả thi SAT phải còn thời hạn sử dụng tính đến thời điểm kết thúc đăng ký/nộp hồ sơ xét tuyển (chứng chỉ ngoại ngữ, kết quả thi SAT có giá trị 02 năm kể từ ngày thi).
- Điểm xét tuyển của thí sinh (bao gồm cả điểm cộng và điểm ưu tiên) không vượt quá 30 điểm. Trong trường hợp thí sinh có tổng điểm lớn hơn 30 thì điểm xét tuyển được ghi nhận là 30 điểm.

5.3. Tuyển sinh chương trình đào tạo Luật chất lượng cao

Thí sinh trúng tuyển và đã xác nhận nhập học vào chương trình đào tạo Luật (chuẩn), có kết quả môn Tiếng Anh trong kì thi tốt nghiệp THPT của năm tuyển sinh đạt tối thiểu 5,0 điểm (theo thang điểm 10) hoặc điểm trung bình chung môn Tiếng Anh 6 kỳ của cấp THPT đạt tối thiểu 7,0 hoặc sử dụng các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế quy đổi tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành, có thể đăng ký xét tuyển vào chương trình đào tạo Luật chất lượng cao nếu đáp ứng một trong các tiêu chí sau (xếp theo thứ tự ưu tiên):

- Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn HSG quốc tế, quốc gia;
- Đạt giải nhất trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương/ kỳ thi HSG bậc THPT của ĐHQGHN/ Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- Đạt giải nhì trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương/ kỳ thi HSG bậc THPT của ĐHQGHN/ Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- Đạt giải ba trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương/ kỳ thi HSG bậc THPT của ĐHQGHN/ Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IETLS, TOEFL iBT) đạt từ Bậc 4 trở lên và có tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cao (*Nhà trường sẽ công bố mức điểm cụ thể được nộp đơn xét tuyển sau*).

5.4. Địa chỉ đào tạo:

- Năm thứ nhất và năm thứ hai: Học tại Khu Đô thị Hòa Lạc;
- Từ năm thứ ba đến khi tốt nghiệp: Học tại Khu Đô thị Hòa Lạc hoặc Xuân Thủy (*Nhà trường sẽ thông báo sau*).

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Kế hoạch tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh: Căn cứ kế hoạch tuyển sinh của Bộ GDĐT, Trường Đại học Luật thông báo Kế hoạch, Thông báo tuyển sinh cụ thể trên website: <http://law.vnu.edu.vn>.

6.2. Thời gian, địa điểm và hình thức thu nhận hồ sơ:

Thời gian, địa điểm và hình thức thu nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, sơ tuyển điều kiện UTXT theo từng Phương thức (không bao gồm Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và Phương thức 4: Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức): *Nhà trường sẽ có hướng dẫn cụ thể sau*.

7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

7.1. Ưu tiên theo khu vực (xem [Phụ lục I](#))

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0.75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0.50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0.25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

7.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (xem [Phụ lục II](#))

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2.00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1.00 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b mục này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

7.3. Mức điểm ưu tiên: Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số).

7.4. Công thức tính điểm ưu tiên:

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22.5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức như sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7.5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại Mục 7.1 và 7.2.}$$

Lưu ý: Hồ sơ và quy trình khai báo, minh chứng để được hưởng ưu tiên theo khu vực, đối tượng thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ GDĐT và các quy định hiện hành của nhà nước.

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh: Nhà trường cam kết thực hiện giải quyết khiếu nại theo quy định; Bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, có trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh (nếu có).

10. Học phí: dự kiến mức học phí đối với khóa tuyển sinh ĐHCQ năm 2026

TT	Nội dung	Mức học phí 01 tháng	Mức học phí 01 năm	Mức học phí 01 TC	Tổng học phí toàn khóa	Ghi chú
----	----------	-------------------------	-----------------------	----------------------	------------------------	---------

TT	Nội dung	Mức học phí 01 tháng	Mức học phí 01 năm	Mức học phí 01 TC	Tổng học phí toàn khóa	Ghi chú
I	Cử nhân chính quy ngành Luật					
1	Năm học 2026-2027	3,043,000	30,430,000	857,000	104,405,330	
2	Năm học 2027-2028	3,347,300	33,473,000	943,000		
3	Năm học 2028-2029	3,682,030	36,820,300	1,037,000		
4	Năm học 2029-2030	4,050,233	40,502,330	1,141,000		
I	Cử nhân chính quy ngành Luật TMQT					
1	Năm học 2026-2027	3,043,000	30,430,000	888,000	141,225,630	
2	Năm học 2027-2028	3,347,300	33,473,000	977,000		
3	Năm học 2028-2029	3,682,030	36,820,300	1,075,000		
4	Năm học 2029-2030	4,050,233	40,502,330	1,183,000		
II	Cử nhân chính quy ngành Luật kinh tế					

TT	Nội dung	Mức học phí 01 tháng	Mức học phí 01 năm	Mức học phí 01 TC	Tổng học phí toàn khóa	Ghi chú
1	Năm học 2026-2027	3,222,000	32,220,000	908,000	149,533,020	
2	Năm học 2027-2028	3,544,200	35,442,000	998,000		
3	Năm học 2028-2029	3,898,620	38,986,200	1,098,000		
4	Năm học 2029-2030	4,288,482	42,884,820	1,208,000		
III	Cử nhân chính quy ngành Luật chất lượng cao					
1	Năm học 2026-2027	3,580,000	35,800,000	912,000	166,147,800	
2	Năm học 2027-2028	3,938,000	39,380,000	1,003,000		
3	Năm học 2028-2029	4,331,800	43,318,000	1,104,000		
4	Năm học 2029-2030	4,764,980	47,649,800	1,214,000		

11. Thông tin về tuyển sinh của 02 năm gần nhất (xem [Phụ lục IV](#)).

12. Thông tin liên hệ và tư vấn tuyển sinh

- Tên đơn vị: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Địa chỉ: Phòng 307B, Nhà E1, số 144, Đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;
- Điện thoại liên hệ: **02437.549.714** (liên hệ trong giờ hành chính);
- Website: <http://law.vnu.edu.vn>;

- Fanpage: <https://www.facebook.com/SchoolOfLaw.Vnu/>

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại
1	TS. Nguyễn Thị Lan	Trưởng phòng ĐT&CTHSSV	0243. 7549714
2	ThS. Đỗ Thị Bích Nguyệt	P. Trưởng phòng ĐT&CTHSSV	
3	TS. Cấn Thị Thanh Hương	Chuyên viên phòng ĐT&CTHSSV	
4	ThS. Bùi Thị Chinh Phương		
6	ThS. Văn Xuân Quỳnh Trang		

Xem chi tiết Quyết định ban hành thông tin tuyển sinh năm 2026 [tại đây](#)